SỞ Y TẾ BẮC GIANG **TRUNG TÂM Y TẾ** **HUYỆN YÊN DŨNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:798 /TTYT-KD-VT,TBYT V/v yêu cầu báo giá vắc xin, huyết thanh tiêm dịch vụ	*Yên Dũng, ngày* 04 *tháng 10 năm 2024*

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ vào Quyết định 779/QĐ-TTYT ngày 02/10/2024 của Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng về việc ban hành Quy trình mua sắm vắc xin dịch vụ;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng thuốc và điều trị ngày 04/10/2024.

Để có căn cứ xây dựng giá dự toán mua vắc xin, huyết thanh tiêm dịch vụ phục vụ công tác phòng bệnh theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn có liên quan, Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng đề nghị các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp hàng hóa *(chi tiết danh mục, số lượng hàng hóa tại phụ lục I đính kèm)* gửi báo giá đến Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng để đơn vị tổ chức xem xét, đánh giá thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

Hình thức báo giá:

- Bản báo giá/biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.
- Địa chỉ hộp thư điện tử: ttyt_yendung@bacgiang.gov.vn và toand3b@gmail.com
- Địa chỉ nhận bản gốc báo giá: Bộ phận văn thư hoặc Khoa Dược, vật tư – TBYT thuộc Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng – Tổ dân phố 5, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.
- Mọi thắc mắc liên hệ đ/c Trần Văn Toản, Trưởng khoa Dược – VT, TBYT. Số điện thoại: 0982.496.884
- Thời gian nhận báo giá: **từ ngày 05/10/2024 đến hết 10h ngày 15/10/2024**.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 05/10/2024.

-Thời gian giao hàng dự kiến: tối đa 05 ngày sau khi nhận được dự trù của Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng.

(*Chi tiết mẫu báo giá tham khảo theo phụ lục II đính kèm)*

Các thông tin khác: đề nghị các nhà cung cấp khi gửi báo giá gửi kèm những giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có dấu đỏ.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có dấu đỏ.

- Hồ sơ sản phẩm báo giá.

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa chào giá trong thời gian không quá 90 ngày tính đến thời điểm báo giá (nếu có).

Đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm báo giá./.

Nơi nhận:
- Cổng TT đơn vị;
- Lưu: VT, KD, HSMS.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN DŨNG

Đặng Hữu Tuấn

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /TTYT-KD-VT,TBYT ngày /10/2024 của Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
1	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Liều	1	100
2	Lọ (0.5ml): Vi-rút sởi >= 1.000 CCID50; Vi rút Quai bị >=12.500 CCID50; Vi rút Rubella >=1.000 CCID50	0.5ml	Liều	1	100
3	Giải độc tố uốn ván tinh chế	≥ 40 IU/0,5ml	Liều	4	50
4	Globulin kháng độc tố uốn ván	1500 đvqt	Liều	4	1000
5	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%)	20mcg/1ml	Liều	5	600
6	Kháng nguyên bề mặt viêm gan B tinh khiết HBsAg 10mcg	10mcg	Liều	1	50
7	Human hepatitis B immunoglobulin	180IU/1ml,1ml	Liều	1	50
8	Một liều (0,5ml) chứa 1 mcg polysaccharide của các týp huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 141,2, 23F1,2 và 3 mcg của các týp huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,4	1mcg; 3mcg	Liều	1	100
9	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8]	≥ 2 triệu PFU/2ml	Liều	4	50

10	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B - 50mcg/0,5ml; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C: 50mcg/0,5ml	(50mcg+ 50mcg)/0,5ml	Liều	5	100
11	Sau khi hoàn nguyên mỗi liều (0,5ml) chứa: giải độc tố bạch hầu ≥30IU; Giải độc tố uốn ván ≥40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25mcg; virus bại liệt týp 1 bất hoạt: 40 DU, virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8DU, virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b cộng hợp với protein uốn ván 10mcg	Sau khi hoàn nguyên mỗi liều (0,5ml) chứa: giải độc tố bạch hầu ≥30IU; Giải độc tố uốn ván ≥40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25mcg; virus bại liệt týp 1 bất hoạt: 40 DU, virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8DU, virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b cộng hợp với protein uốn ván 10mcg	Liều	1	50
12	Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản	Vi rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết - Tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn Quốc gia	Liều	4	100
13	Virus dại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	≥2,5 IU/0,5ml	Liều	5	2000
14	Kháng thể kháng vi rút dại	1000IU/5ml	Liều	4	20
15	Mỗi 0,5 ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 micrograms HA; A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 micrograms HA; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 micrograms HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 micrograms HA.	Mỗi 0,5 ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 micrograms HA; A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 micrograms HA; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 micrograms HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 micrograms HA.	Liều	1	50

16	Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1 Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H3N2 Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B	(Type A H1N1-15mcg; type A H3N2 - 15mcg; type B - 15 mcg; type B - 15mcg)/ 0,5ml	Liều	2	300
17	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	0.5ml	Liều	1	200
18	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated >= 1350 PFU/lọ	>=1350PFU/lọ	Liều	1	100
19	Polysaccharide của Salmonella typhi chủng Ty2	25mcg/ 0,5ml	Liều	1	20
20	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Liều	1	50
	Cộng: **20** khoản				

Thông tin tại phụ lục nêu trên là yêu cầu tối thiểu của hàng hóa, các hãng sản xuất nhà cung cấp tại Việt Nam có thể chào hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn./.

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Công văn số: /TTYT-KD-VT,TBYT ngày /10/2024 của Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng)

BÁO GIÁ HÀNG HÓA

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng

Chúng tôi, Công ty (Tên đơn vị) …....., có địa chỉ tại: ……..

Căn cứ danh mục hàng hóa đề nghị báo giá của Quý cơ quan, chúng tôi báo giá đơn giá hàng hóa như sau:

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1		Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván				1					Liều	100		

2		Lọ (0.5ml): Vi-rút sởi >= 1.000 CCID50; Vi rút Quai bị >=12.500 CCID50; Vi rút Rubella >=1.000 CCID50	0.5ml				1					Liều	100		
3		Giải độc tố uốn ván tinh chế	≥ 40 IU/0,5ml				4					Liều	50		
4		Globulin kháng độc tố uốn ván	1500 đvqt				4					Liều	1000		
5		Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%)	20mcg/1ml				5					Liều	600		
6		Kháng nguyên bề mặt viêm gan B tinh khiết HBsAg 10mcg	10mcg				1					Liều	50		
7		Human hepatitis B immunoglobulin	180IU/1ml,1ml				1					Liều	50		
8		Một liều (0,5ml) chứa 1 mcg polysaccharide của các týp huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 141,2, 23F1,2 và 3 mcg của các týp huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,4	1mcg; 3mcg				1					Liều	100		
9		Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8]	≥ 2 triệu PFU/2ml				4					Liều	50		
10		Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B - 50mcg/0,5ml; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C: 50mcg/0,5ml	(50mcg+ 50mcg)/0,5ml				5					Liều	100		

11		Sau khi hoàn nguyên mỗi liều (0,5ml) chứa: giải độc tố bạch hầu ≥30IU; Giải độc tố uốn ván ≥40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25mcg; virus bại liệt týp 1 bất hoạt: 40 DU, virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8DU, virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b cộng hợp với protein uốn ván 10mcg	Sau khi hoàn nguyên mỗi liều (0,5ml) chứa: giải độc tố bạch hầu ≥30IU; Giải độc tố uốn ván ≥40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25mcg; virus bại liệt týp 1 bất hoạt: 40 DU, virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8DU, virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b cộng hợp với protein uốn ván 10mcg				1					Liều	50		
12		Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản	Vi rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết - Tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn Quốc gia				4					Liều	100		
13		Virus dại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	≥2,5 IU/0,5ml				5					Liều	1.500		
14		Kháng thể kháng vi rút dại	1000IU/5ml				4					Liều	20		

15		Mỗi 0,5 ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 micrograms HA; A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 micrograms HA; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 micrograms HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 micrograms HA.	Mỗi 0,5 ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 micrograms HA; A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 micrograms HA; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 micrograms HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 micrograms HA.				1					Liều	50		
16		Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1 Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H3N2 Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B	(Type A H1N1-15mcg; type A H3N2 - 15mcg; type B - 15 mcg; type B - 15mcg)/ 0,5ml				2					Liều	300		

17		Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	0.5ml				1					Liều	200		
18		Oka/Merck varicella virus, live, attenuated >= 1350 PFU/lọ	>=1350PFU/lọ				1					Liều	100		
19		Polysaccharide của Salmonella typhi chủng Ty2	25mcg/ 0,5ml				1					Liều	20		
20		Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg				1					Liều	50		
		Cộng: **20** khoản													

Đơn giá trên là trọn gói, đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế và các loại chi phí có liên quan theo quy định của Nhà nước để thực hiện gói thầu, hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu tại Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản chi phí nào khác.

Báo giá này có hiệu lực tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá./.

……., ngày ……. tháng …… năm …….

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)